

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN X
TỈNH LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 15-7-2020

“V/v Tranh chấp ly hôn”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN X - TỈNH LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Mỹ Phượng

Các hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Phan Văn Kinh

2/ Ông Phạm Quốc Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh LA.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện X tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Sỹ Diệu - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 7 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện X xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 133/2020/TLST-HNGĐ, ngày 08/6/2020 về việc “Tranh chấp ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 48/2020/QĐST-HNGĐ, ngày 29/6/2020 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Ông **Trần Văn M**, sinh năm 1984. Địa chỉ: Ấp 3, xã LT, huyện X, tỉnh LA.

* Bị đơn: Bà **Trần Thị C**, sinh năm 1989. Địa chỉ: Ấp BM, xã ML, huyện X, tỉnh LA.

(Ông M và bà C có đơn xin xét xử vắng mặt.)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và lời trình bày của nguyên đơn ông Trần Văn M trong suốt quá trình giải quyết vụ án có nội dung như sau:*

Ông và bà C tự nguyện đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn ngày 19/11/2007 tại Ủy ban nhân dân xã LT. Thời gian đầu ông và bà C sống hạnh phúc, sau mâu thuẫn ngày càng gay gắt, thường xuyên cãi nhau. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Ngày 12/3/2020, bà C đã bỏ nhà đi và hai người ly thân từ đó. Do không thể hàn gắn được mối quan hệ hôn nhân này, nên ông yêu cầu được ly hôn với bà C.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, ông và bà C có 03 con chung tên Trần Thị Trà M sinh ngày 13/9/2008, Trần Gia B sinh ngày 18/8/2012, Trần

Nhã T sinh ngày 23/10/2014. Khi ly hôn, ông yêu cầu được nuôi dưỡng Gia B và Nhã T còn bà C thì nuôi dưỡng Trà M, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn bà Trần Thị C trình bày trong biên bản lấy lời khai ngày 29/6/2020 có nội dung như sau:*

Bà không đồng ý ly hôn với ông M, tự Tòa giải quyết thế nào thì tùy Tòa. Bà thấy cuộc hôn nhân này không hạnh phúc, do ông M nghe lời cha mẹ ruột mà kiên quyết ly hôn. Bà đi làm chăm lo cho gia đình chứ không có lỗi gì bậy bạ với ông M.

Về con chung: Bà và ông M có 03 con chung tên Trần Thị Trà M sinh ngày 13/9/2008, Trần Gia B sinh ngày 18/8/2012, Trần Nhã T sinh ngày 23/10/2014. Hiện nay, bà đang trực tiếp nuôi dưỡng Trà M, nếu tòa chấp nhận yêu cầu khởi kiện cho ông M thì bà sẽ theo ý kiến các con là đồng ý nhường quyền nuôi dưỡng Gia B và Nhã T cho ông M, còn bà thì yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng Trà M, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án tiến hành thụ lý vụ án, hòa giải nhưng không được.

** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện X:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng được thực hiện theo đúng trình tự quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung tranh chấp: Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông M.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Thủ tục tố tụng:

Về thẩm quyền: Ông Trần Văn M nộp đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn bà Trần Thị C. Căn cứ nơi cư trú của bị đơn, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện X theo quy định tại Điều 28 và Điều 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về sự vắng mặt của đương sự: Ông M và bà C có đơn xin xét xử vắng mặt, nên Tòa án giải quyết vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Ông M và bà C tự nguyện đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn ngày 19/11/2007 tại Ủy ban nhân dân xã LT, huyện X, tỉnh LA. Nguyên nhân mâu thuẫn giữa ông M và bà C là do bất đồng quan điểm trong

cuộc sống gia đình. Ông M xác định không thể hàn gắn được mối quan hệ hôn nhân này, nên yêu cầu được ly hôn với bà C.

Hội đồng xét xử xét thấy: Hôn nhân của ông M và bà C là hôn nhân được pháp luật công nhận và bảo vệ. Hôn nhân hạnh phúc dựa trên nền tảng của sự yêu thương, quan tâm, chăm sóc, cảm thông và chia sẻ. Ông M kiên quyết xin ly hôn với bà C vì không thể tiếp tục cuộc hôn nhân này. Bà C không đồng ý ly hôn với ông M nhưng không đưa ra được bất kỳ giải pháp nào để hàn gắn cuộc hôn nhân và xác định cuộc hôn nhân này không hạnh phúc, do ông M nghe lời cha mẹ ruột. Do đó, Hội đồng xét xử xác định mâu thuẫn trong hôn nhân giữa 2 bên là trầm trọng, yêu cầu xin ly hôn của ông M phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, nên có cơ sở chấp nhận.

Về nuôi con chung: Ông M và bà C xác định ông bà có 03 con chung Trần Thị Trà Msinh ngày 13/9/2008, Trần Gia B sinh ngày 18/8/2012, Trần Nhã T sinh ngày 23/10/2014. Khi ly hôn 2 bên thống nhất ông M là người trực tiếp nuôi dưỡng Gia B và Nhã T. Bà C trực tiếp nuôi dưỡng Trà M, không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, Gia B và Nhã T hiện nay đang sinh sống với ông M và có nguyện vọng sống với ông M; còn cháu Trà M có nguyện vọng sống với bà C và hiện nay sống với bà C, nhằm tránh sự thay đổi hoàn cảnh sống làm ảnh hưởng đến sự phát triển tâm lý trẻ, nên yêu cầu của ông M là có cơ sở chấp nhận.

Về phân cấp dưỡng nuôi con: Ông M và bà C không yêu cầu nên không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi dưỡng con chung được quyền đến thăm, chăm sóc con chung không ai được ngăn cản. Vì lợi ích của con chung thì cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình có quyền làm đơn yêu cầu xin thay đổi người trực tiếp nuôi con; mức cấp dưỡng nuôi con.

Về nợ chung, tài sản chung: Cho đến khi xét xử sơ thẩm, các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết trong vụ án này. Nếu sau này có tranh chấp, các đương sự có quyền khởi kiện bằng vụ án khác theo quy định pháp luật.

Từ các phân tích trên, yêu cầu khởi kiện của ông M là có căn cứ chấp nhận toàn bộ như đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện X.

[3] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, ông M phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Bà C không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, 35, 147, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Áp dụng Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84, 117 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn M đối với bà Trần Thị C.

1/ Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Văn M được ly hôn bà Trần Thị C.

2/ Về con chung:

Giao 01 con chung tên Trần Thị Trà Msinh ngày 13/9/2008 cho bà Trần Thị C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Giao 02 con chung tên Trần Gia B sinh ngày 18/8/2012 và Trần Nhã T sinh ngày 23/10/2014 cho ông Trần Văn M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Ông Trần Văn M và bà Trần Thị C không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi dưỡng con chung được quyền đến thăm, chăm sóc con chung không ai được ngăn cản. Vì lợi ích của con chung thì cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình có quyền làm đơn yêu cầu xin thay đổi người trực tiếp nuôi con; mức cấp dưỡng nuôi con.

3/ Về án phí: Ông Trần Văn M phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0007168, ngày 08/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện X, tỉnh LA. Ông Trần Văn M không phải nộp thêm. Bà Trần Thị C không phải chịu án phí.

4/ Án xử sơ thẩm, các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hợp lệ.

5/ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh LA;
- Chi cục THA huyện X;
- VKSND huyện X;
- Các đương sự;
- UBND xã LT;
- Lưu HS

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Lê Thị Mỹ Phượng